

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/3/2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Phong và ông Phạm Anh Tuấn

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền -Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mai H, sinh năm 1983; HKTT: Tổ 11, phường H, Thành phố T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1976; HKTT và cư trú: Thôn H, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị Mai H trình bày:

Chị kết hôn với anh Dương Ngọc H tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, thành phố Hà Nội vào ngày 26/9/2006. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chị về chung sống với anh H ngay. Vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con cái và quản lý kinh tế trong gia đình dẫn đến thường xuyên xảy ra to tiếng khiến cho tình cảm sút mẻ, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là tháng 4/2013, sau một lần to tiếng, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thái Bình và sống ly thân anh H từ đó cho đến nay. Xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng

không còn do ly thân đã lâu, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên xin Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thái T, sinh ngày 30/10/2007 và Dương Thái T1, sinh ngày 27/5/2011. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và để anh Hưng tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau vì kể từ khi ly thân vợ chồng chị đã thống nhất việc nuôi con như hiện nay đồng thời cũng là thể hiện nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Dương Ngọc H trình bày:

Anh H xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị H trình bày. Mặc dù xác định tình cảm vợ chồng không còn do ly thân đến nay đã 7 năm, bản thân anh cũng nhiều lần định ly hôn chị H để giải phóng cho cả hai nhưng do sau khi anh phát hiện bị mắc bệnh hiểm nghèo, chỉ muốn duy trì tình trạng ly thân như hiện tại vì các con nên không mong muốn ly hôn. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì để chị tự ly hôn đơn phương, anh không đến Tòa làm việc.

Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thái T, sinh ngày 30/10/2007 và Dương Thái T1, sinh ngày 27/5/2011. Nếu phải ly hôn, anh H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và đồng ý để chị Hương nuôi cháu T1. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

UBND xã V nơi cư trú của đương sự có quan điểm: Mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã đến mức trầm trọng do đã sống ly thân từ đầu năm một khoảng thời gian dài từ tháng 4/2013 đến nay. Mặc dù anh H muốn duy trì tình trạng ly thân như hiện tại nhưng hôn nhân giữa chị H và anh H chỉ còn là hình thức, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H là hợp tình hợp lý.

Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thái T, sinh ngày 30/10/2007 và Dương Thái T1, sinh ngày 27/5/2011. Ly hôn, vợ chồng đã thống nhất giao chị H nuôi cháu T1 và giao anh H nuôi cháu T như hiện tại nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện

đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thái T1, sinh ngày 27/5/2011 và giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thái T, sinh ngày 30/10/2007; Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ chung không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã V, huyện P, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh Dương Ngọc H vẫn đang cư trú, sinh sống tại địa phương, mặc dù đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và được triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên không cần có sự có mặt của anh H, Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử bình thường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Năm 2006, Chị Phạm Thị Mai H ở phường H, Thành phố T kết hôn với anh Dương Ngọc H ở Thôn H, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P. Sau khi cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về quản lý kinh tế và nuôi dạy con chung... khiến vợ chồng thường xuyên to tiếng, tình cảm vợ chồng bắt đầu có những biểu hiện rạn vỡ. Đến tháng 4/2013, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, chị H đã bỏ anh H trở về nhà mẹ đẻ ở Thái Bình, sống ly thân với anh H cho đến nay và có đơn xin ly hôn anh H. Phía anh H cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm do ly thân nhiều năm, bản thân anh cũng nhiều lần định làm đơn ly hôn chị H để giải phóng cho cả hai bên nhưng do mắc bệnh hiểm nghèo nên không muốn ly hôn mà đề nghị duy trì tình trạng ly thân như hiện tại để các con đỡ khổ.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bên đều giữ nguyên quan điểm của mình.

Xét quan hệ hôn nhân vợ chồng giữa chị Phạm Thị Mai H và anh Dương Ngọc H mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không

còn do thời gian ly thân đã quá lâu; việc anh H không muốn ly hôn nhưng lại đề nghị duy trì tình trạng ly thân như hiện tại mà không có giải pháp hóa giải để cải thiện tình cảm vợ chồng càng chứng tỏ hôn nhân tồn tại giữa hai người chỉ là hình thức, không có đích đến và trở nên vô nghĩa... Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thái T, sinh ngày 30/10/2007 và Dương Thái T1, sinh ngày 27/5/2011. Ly hôn, các bên đều thống nhất giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và giao anh Hưng tiếp tục nuôi dưỡng cháu T như hiện tại, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do đề nghị của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung và các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Phạm Thị Mai H được ly hôn anh Dương Ngọc H.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị Mai H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thái T1, sinh ngày 27/5/2011; anh Dương Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thái T, sinh ngày 30/10/2007; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh H, chị H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Mai H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005681 ngày 11/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị Mai H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh Dương Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phùng Văn Phong